BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:5166/BNV-TCBC V/v báo cáo kết quả 06 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII	*Hà Nội, ngày 12 tháng 09 năm 2023*

Kính gửi:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia;
- Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 18-NQ/TW), Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW) và thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW; đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Bộ, ngành, địa phương) xây dựng báo cáo kết quả 06 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW tại Bộ, ngành, địa phương mình, gửi về Bộ Nội vụ trước ngày **25/9/2023** để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định[1]. Trong đó, đề nghị báo cáo rõ về các nội dung sau:

1. Về Báo cáo kết quả 06 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW

a) Đề nghị Bộ, ngành, địa phương báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 10/NQ-CP tính đến thời điểm ngày

[1] Đồng thời, gửi file word, excel vào hộp thư: (1) vuthephuoc@gmail.com (đối với báo cáo thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; (2) tuyetbnv@gmail.com (đối với báo cáo thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW).

30/6/2023, trong đó trọng tâm là các nhiệm vụ hoàn thành, chưa hoàn thành, kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy **từ thời điểm 30/6/2022[2] đến nay**. Cụ thể như sau:

- Về rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương mình để khắc phục tình trạng trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý.

- Về sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương mình theo quy định của Chính phủ (Nghị định số 101/2020/NĐ-CP, Nghị định số 47/2019/NĐ-CP, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định 108/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP), trong đó yêu cầu báo cáo rõ sự biến động tăng, giảm tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Về kết quả thí điểm mô hình mới về tổ chức bộ máy và kiêm nhiệm chức danh của địa phương mình theo Thông báo kết luận số 16-TB/TW ngày 07/7/2022 về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII (đối với địa phương).

- Về thực hiện tinh giản biên chế, số lượng cấp phó của Bộ, ngành, địa phương mình theo quy định của Đảng, Quốc hội và Chính phủ.

b) Đánh giá những nhiệm vụ đã làm được, chưa làm được so với tiến độ đề ra về từng nhiệm vụ; những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, nhiệm vụ thời gian tới.

c) Những đề xuất, kiến nghị với Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

d) Báo cáo số liệu đầy đủ, chính xác về tổ chức bộ máy, biên chế, tinh giản biên chế, số lượng cấp phó của Bộ, ngành, địa phương mình tại thời điểm ngày **31/12/2022** và ngày **30/6/2023** (06 phụ lục kèm theo, gồm: 1A, 2A, 3A, 4A, 5A, 6A).

đ) Bộ Nội vụ gửi Bộ, ngành, địa phương các phụ lục kèm theo Báo cáo số 1403-BC/BCSĐCP ngày 05/12/2022 của Ban cán sự đảng Chính phủ báo cáo sơ kết 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW để các Bộ, ngành, địa phương rà soát, đối chiếu số liệu tại 02 thời điểm 30/6/2017 và 30/6/2022, bảo đảm chính xác, thống nhất. Trường hợp nếu chưa có sự thống nhất về số liệu tại Báo cáo 1403-BC/BCSĐCP và số liệu của Bộ, ngành, địa phương thì đề nghị Bộ, ngành, địa phương báo cáo làm rõ tại Báo cáo kết quả 06 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW (thành một mục riêng về nội dung rà soát, điều chỉnh số liệu tại 02 thời điểm này).

---

[2] Giai đoạn từ 30/6/2022 trở về trước đã tổng hợp tại báo cáo sơ kết 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của các Bộ, ngành, địa phương; trên cơ sở đó Bộ Nội vụ đã tổng hợp, xây dựng báo cáo sơ kết 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban cán sự đảng Chính phủ gửi Ban Tổ chức Trung ương (Báo cáo số 1403-BC/BCSĐCP ngày 05/12/2022).

2. Về Báo cáo kết quả 06 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW

a) Đề nghị Bộ, ngành, địa phương báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị quyết số 08/NQ-CP tính đến thời điểm ngày 30/6/2023, trong đó trọng tâm là các nhiệm vụ hoàn thành, chưa hoàn thành, kết quả thực hiện tự chủ, sắp xếp đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập **từ thời điểm 01/01/2022[3] đến nay**. Cụ thể như sau:

a) Về tình hình thể chế hóa Nghị quyết

Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, đề án được giao tại Nghị quyết số 08/NQ-CP (theo phụ lục 1B), trong đó đánh giá những nhiệm vụ đã làm được, chưa làm được so với tiến độ đề ra về từng nhiệm vụ; những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện và nguyên nhân; nhiệm vụ thời gian tới.

b) Về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập

- Đề nghị Bộ, ngành, địa phương rà soát, đối chiếu số liệu về đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm ngày **31/12/2021** tại các phụ lục kèm theo Báo cáo số 1399-BC/BCSĐCP ngày 03/12/2022 của Ban cán sự đảng Chính phủ, bảo đảm thống nhất, chính xác. Trường hợp nếu chưa có sự thống nhất về số liệu tại Báo cáo số 1399-BC/BCSĐCP và số liệu của Bộ, ngành, địa phương thì đề nghị Bộ, ngành, địa phương báo cáo làm rõ tại Báo cáo kết quả 06 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW (thành một mục riêng về nội dung rà soát, điều chỉnh số liệu).

- Tổng hợp số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tại 02 thời điểm: ngày **31/12/2022** và **30/6/2023** (phụ lục 2B).

- Đánh giá những kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc trong việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập của từng ngành, lĩnh vực (các nội dung theo phụ lục 3B), gồm các lĩnh vực: (1) Giáo dục - đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) vực y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hóa, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (gồm: nông nghiệp và phát triển nông thôn; lao động - thương binh và xã hội; tài nguyên và môi trường; xây dựng; công thương; đầu tư phát triển,....).

c) Về số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế sự nghiệp): Đánh giá những kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc về quản lý biên chế, gồm:

- Về sử dụng, quản lý biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước và hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (phụ lục 4B).

---

[3] Giai đoạn từ 31/12/2021 trở về trước đã tổng hợp tại báo cáo sơ kết 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của các Bộ, ngành, địa phương; trên cơ sở đó Bộ Nội vụ đã tổng hợp, xây dựng báo cáo sơ kết 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban cán sự đảng Chính phủ gửi Ban Kinh tế Trung ương (Báo cáo số 1399-BC/BCSĐCP ngày 03/12/2022).

- Số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập (phụ lục 5B).

- Về thực hiện chính sách tinh giản biên chế, xây dựng Đề án tinh giản biên chế đến năm 2030.

d) Về đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

- Đánh giá kết quả thực hiện việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế tự chủ (tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) và khả năng đạt mục tiêu đến hết năm 2025 có ít nhất 10% đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2015 – 2021 (theo phụ lục 6B).

- Đánh giá những kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và các loại hình doanh nghiệp khác (theo phụ lục 7B).

đ) Về nâng cao năng lực quản trị của đơn vị sự nghiệp công lập

Đánh giá kết quả thực hiện việc rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức bên trong của đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, bỏ cấp trung gian (theo phụ lục 8B).

e) Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện Nghị quyết, đề xuất những nội dung kiến nghị cụ thể để bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo các mục tiêu của Nghị quyết.

Bộ Nội vụ trân trọng đề nghị các Bộ, ngành, địa phương quan tâm, thực hiện đúng thời hạn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Nguyễn Trọng Thừa;
- Lưu: VT, TCBC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Trọng Thừa